

Số : ~~32~~ QĐ-DIC Group-HĐQT

Vũng Tàu, ngày ~~30~~ tháng ~~6~~ năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
“V/v: Ban hành Quy chế
Công bố thông tin nội bộ của Tập đoàn DIC.”

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG

Căn cứ:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn DIC;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tập đoàn DIC;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tập đoàn DIC;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số: ~~109~~ ngày ~~30~~ / ~~6~~ / 2025 của HĐQT Tập đoàn DIC.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế Công bố thông tin nội bộ của Tập đoàn DIC.

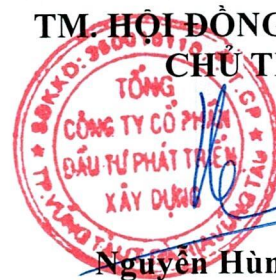
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ~~30~~ tháng ~~6~~ năm 2025, thay thế và chấm dứt hiệu lực Quyết định số 67/QĐ-DIC Group-HĐQT ngày 10/6/2022 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế công bố thông tin nội bộ DIC Group.

Điều 3. Các ông/bà: Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc Ban/Chi nhánh và các chức danh tương đương, Trưởng phòng, Lãnh đạo các công ty con và tổ chức/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Cường

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TẬP ĐOÀN DIC**

(Ban hành theo Quyết định số: 32/QĐ-DIC Group-HĐQT ngày 30/06/2025)

Vũng Tàu, tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt.....	1
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin.....	3
Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin.....	4
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	4
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin.....	4
CHƯƠNG II. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TẬP ĐOÀN DIC	5
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ.....	5
Điều 8. Công bố thông tin bất thường.....	8
Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	11
Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng.....	11
CHƯƠNG III. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHỨNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP	12
Điều 11. Công bố thông tin của Tập đoàn DIC phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.....	12
CHƯƠNG IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN	13
Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn DIC; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành.....	13
Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	14
Điều 14. Công bố thông tin về chào mua công khai.....	16
CHƯƠNG V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH	17
Điều 15. Quy trình công bố thông tin.....	17
Điều 16. Công bố thông tin của các đối tượng phải CBTT.....	18
Điều 17. Tạm hoãn công bố thông tin.....	19
Điều 18. Trách nhiệm của Người CBTT, các Phòng/Ban/Đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác.....	20
Điều 19. Tổ chức thực hiện.....	20



Vũng Tàu, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32./QĐ-DIC Group-HĐQT ngày 30../6../2025)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (Tập đoàn DIC) trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn DIC.

2. Đối tượng áp dụng:

- Quy chế này áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý của Tập đoàn DIC, các Phòng/Ban, các chi nhánh, đơn vị và cá nhân thuộc Tập đoàn DIC (sau đây gọi là các bộ phận có liên quan).
- Người nội bộ Tập đoàn DIC và người có liên quan của người nội bộ.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật: Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tập đoàn DIC.
- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tập đoàn DIC.
- Tổ chức, cá nhân khác thuộc đối tượng công bố thông tin hoặc có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) *Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng*: được gọi tắt là “DIC Group” hoặc “Tập đoàn DIC”, có trụ sở tại 15 Thi Sách, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) *Quy chế* là Quy chế công bố thông tin này.



- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp.
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán.
- e) *Thông tư 96* là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- f) *Công ty đại chúng* là Công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán.
- g) *Công ty đại chúng quy mô lớn* là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.
- h) *Cổ đông* là Cổ đông của Tập đoàn DIC.
- i) *Điều lệ Tập đoàn DIC* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn DIC, bao gồm mọi sửa đổi được ĐHCĐ thông qua hợp lệ tại từng thời điểm.
- j) *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền HĐQT phê chuẩn (Quyết định bổ nhiệm phải có nội dung xác định chức danh đó là Người quản lý doanh nghiệp có thẩm quyền nhân danh Tập đoàn DIC ký kết các giao dịch của Tập đoàn DIC).
- k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- l) *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.
- m) *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- n) *Người nội bộ* của Tập đoàn DIC bao gồm:
- Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Thành viên Ủy ban Kiểm toán;
 - Người đại diện pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin;
 - Thư ký HĐQT, Người phụ trách quản trị công ty.

2. Các từ viết tắt dưới đây trong Quy chế này được hiểu như sau:



- a. Tập đoàn DIC : Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.
- b. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn DIC.
- c. HĐQT : Hội đồng quản trị Tập đoàn DIC.
- d. BDH : Ban Điều hành Tập đoàn DIC.
- e. TGD : Tổng Giám đốc Tập đoàn DIC.
- f. Phó TGD : Phó Tổng Giám đốc.
- g. UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- h. SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán.
- i. VSDC : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- j. CBTT : Công bố thông tin.
- k. Người CBTT : Người thực hiện công bố thông tin.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Tập đoàn DIC phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và theo quy định nội bộ của Tập đoàn DIC. Việc công bố các thông tin cá nhân, tổ chức bao gồm: Căn cước công dân, Căn cước, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, mã số doanh nghiệp của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân, tổ chức đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.
4. Việc công bố thông tin của Tập đoàn DIC phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.



Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy chế này.

5. Thông tin được công bố phải được bảo quản, lưu giữ theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn DIC tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn DIC tối thiểu là 05 năm.

Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin

1. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán của Tập đoàn DIC là tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Việc CBTT bằng Tiếng Anh được thực hiện đồng thời trên cổng thông tin điện tử của SGDCK và trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn DIC.

3. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải đảm bảo thống nhất với nội dung công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin của Tập đoàn DIC phải do Người đại diện pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

2. Trường hợp Tập đoàn DIC thay đổi Người đại diện pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi có việc chỉ định, ủy quyền thay đổi người CBTT có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- Trang thông tin điện tử (Website) của Tập đoàn DIC;

- Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

- Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK. Cụ thể:



+ Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ.
+ Đối với tài liệu là dữ liệu điện tử: Dữ liệu điện tử được gửi đến SGDCK thông qua địa chỉ email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do SGDCK quy định. Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 18 MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, cung cấp đường dẫn đến địa chỉ trang thông tin điện tử có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

- Trang thông tin điện tử của VSDC;

- Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).

Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

2. Tập đoàn DIC phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế Công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động của HĐQT, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Tập đoàn DIC không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TẬP ĐOÀN DIC

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:



a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; Tập đoàn DIC phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Tập đoàn DIC phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Tập đoàn DIC phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Tập đoàn DIC phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Tập đoàn DIC phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tập đoàn DIC phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: Tập đoàn DIC phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tập đoàn DIC công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức



kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Tập đoàn DIC phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

d) Tập đoàn DIC giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tập đoàn DIC phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn DIC phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

7. Tập đoàn DIC phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. Nội dung báo cáo bao gồm:

+ Một (01) bản báo cáo đầy đủ các nội dung theo mẫu Phụ lục số V kèm theo Thông tư 96.

+ Một (01) bản báo cáo theo mẫu Phụ lục số V kèm theo Thông tư 96 nhưng không bao gồm các thông tin cá nhân để thực hiện công bố thông tin.

+ Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 do SGDCK ban hành.



+ Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Tập đoàn DIC phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tập đoàn DIC tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tập đoàn DIC có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tập đoàn DIC phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tập đoàn DIC hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tập đoàn DIC;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;



h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn DIC với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tập đoàn DIC;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Tập đoàn DIC phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Tập đoàn DIC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Tập đoàn DIC mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tập đoàn DIC công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Tập đoàn DIC thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn DIC). Đồng thời, Tập đoàn DIC gửi cho UBCKNN, SGCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tập đoàn DIC, người nội bộ của Tập đoàn DIC; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tập đoàn DIC;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tập đoàn DIC; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Tập đoàn DIC nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Tập đoàn DIC nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, Tập đoàn DIC phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;



r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tập đoàn DIC;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tập đoàn DIC tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tập đoàn DIC phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Tập đoàn DIC phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tập đoàn DIC phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96.



6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Tập đoàn DIC phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh trong các sự kiện sau đây:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b) Có thông tin liên quan đến Tập đoàn DIC ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- c) Khi giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn từ năm (05) phiên liên tiếp trở lên, Tập đoàn DIC phải báo cáo, công bố thông tin liên quan đến Tập đoàn DIC có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tập đoàn DIC về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty đại chúng

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn

Tập đoàn DIC thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tập đoàn DIC phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn DIC, SGDCK, VSDC và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Tập đoàn DIC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.



Trường hợp Tập đoàn DIC mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

4. Tập đoàn DIC gửi Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty theo sổ cổ đông gần nhất đến SGDCK, báo cáo gồm:

+ Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-04 kèm theo Quy chế này.

+ Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

+ Thời hạn gửi: Định kỳ hàng quý, căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước các kỳ chốt tương ứng ngày 28/02, ngày 31/05, ngày 31/08 và ngày 30/11 và tương ứng gửi cho SGDCK chậm nhất vào các ngày 10/03, ngày 10/06, ngày 10/09 và ngày 10/12.

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHÚNG, TỔ CHỨC NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Điều 11. Công bố thông tin của Tập đoàn DIC phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (đối với tổ chức phát hành là công ty cổ phần) kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1,5 và 6 Điều 7 Quy chế này;

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, tổ chức phát hành phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán



xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

Định kỳ 06 tháng, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

e) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 9 Quy chế này.

CHƯƠNG IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG PHẢI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn DIC; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tập đoàn DIC phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Tập đoàn DIC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Tập đoàn DIC khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Tập đoàn DIC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96.



4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn DIC; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96 căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tập đoàn DIC mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Tập đoàn DIC phát hành thêm cổ phiếu.

6. Tập đoàn DIC phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của Tập đoàn DIC (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Tập đoàn DIC khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

Trường hợp thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán.

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng,



giá trị do SGDCCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCCK;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Tập đoàn DIC hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tập đoàn DIC hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn DIC thực hiện giao dịch chứng khoán của Tập đoàn DIC phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.



6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tập đoàn DIC phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn.

Điều 14. Công bố thông tin về chào mua công khai

Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại Chương II Mục 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Mục 2 Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (Thông tư số 118/2020/TT-BTC) và Điều 35 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, cụ thể như sau:

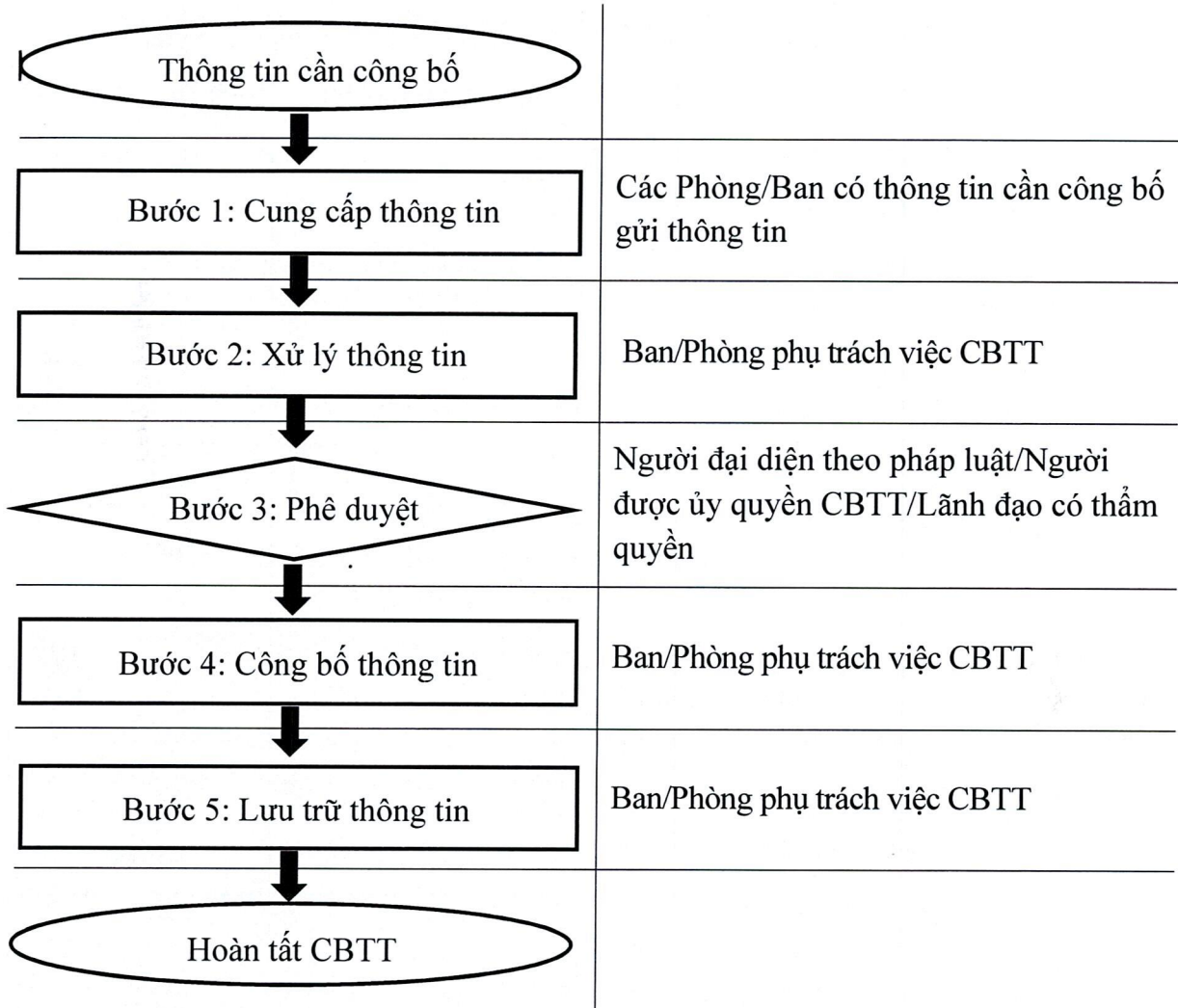
1. Trường hợp Tập đoàn DIC là công ty mục tiêu thực hiện công bố thông tin về việc bị chào mua công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 86 và Điều 87 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
2. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng của Tập đoàn DIC thực hiện công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai theo quy định tại khoản 3 Điều 89, khoản 1 Điều 93 và khoản 2 Điều 95 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Bản thông báo chào mua công khai thực hiện theo Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.
3. Tổ chức, cá nhân chào mua công khai công bố thông tin điều chỉnh giá chào mua công khai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
4. Tổ chức, cá nhân chào mua rút lại đề nghị chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng của Tập đoàn DIC thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 92 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng của Tập đoàn DIC công bố thông tin về việc tiếp tục chào mua công khai theo quy định tại Điều 94 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
6. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai công bố thông tin về kết quả chào mua công khai cổ phiếu đang niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng của Tập đoàn DIC theo quy định tại Điều 95 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và thực hiện báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin về kết quả đợt chào mua công khai theo mẫu tại Phụ lục số 33 ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC.



CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN, HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ CBTT



2. Quy trình CBTT của Tập đoàn DIC được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Cung cấp thông tin

a. Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các Phòng/Ban có thông tin cần công bố phải ngay lập tức lập báo cáo nội dung cần công bố và gửi tài liệu CBTT đến Người được ủy quyền CBTT hoặc Ban/Phòng phụ trách việc CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố (chi tiết theo Phụ lục I đính kèm Quy chế này). Tài liệu phục vụ CBTT bao gồm:

- Văn bản điện tử (word, excel, pdf,...): cung cấp cho Người được ủy quyền CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT trước thời hạn CBTT ít nhất 03 ngày làm việc đối



với CBTT định kỳ và trước 10h00 của ngày CBTT đối với CBTT bất thường để thực hiện soạn thảo văn bản CBTT song ngữ Việt – Anh và trình Ban Lãnh đạo phê duyệt.

- Văn bản giấy (02 bản chính/bản sao hợp lệ): cung cấp cho Người được ủy quyền CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT trước 15h00 của ngày CBTT để thực hiện CBTT, đăng tải trên hệ thống CBTT và gửi thư cho UBCKNN và SGDCK theo quy định.

b. Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, VSDC và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người được ủy quyền CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT thực hiện theo trình tự:

- a. Kiểm tra thông tin;
- b. Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- c. Soạn thảo văn bản CBTT song ngữ Việt – Anh theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Phê duyệt

- a. Ban/Phòng phụ trách việc CBTT trình Lãnh đạo Tập đoàn xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;
- b. Sau khi nội dung đã được phê duyệt, Người được ủy quyền CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT thực hiện CBTT theo quy định.
- c. Trường hợp Người CBTT vắng mặt thì trình trực tiếp cho các cấp có thẩm quyền quyết định công bố.

Bước 4: Công bố thông tin

- a. Ban/Phòng phụ trách việc CBTT thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn DIC và gửi đến UBCKNN, SGDCK và VSDC (nếu có) theo đúng yêu cầu về nội dung, thời hạn quy định pháp luật, quy định của UBCKNN, SGDCK và quy định nội bộ của Tập đoàn DIC;
- b. Các Phòng/Ban liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người được ủy quyền CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

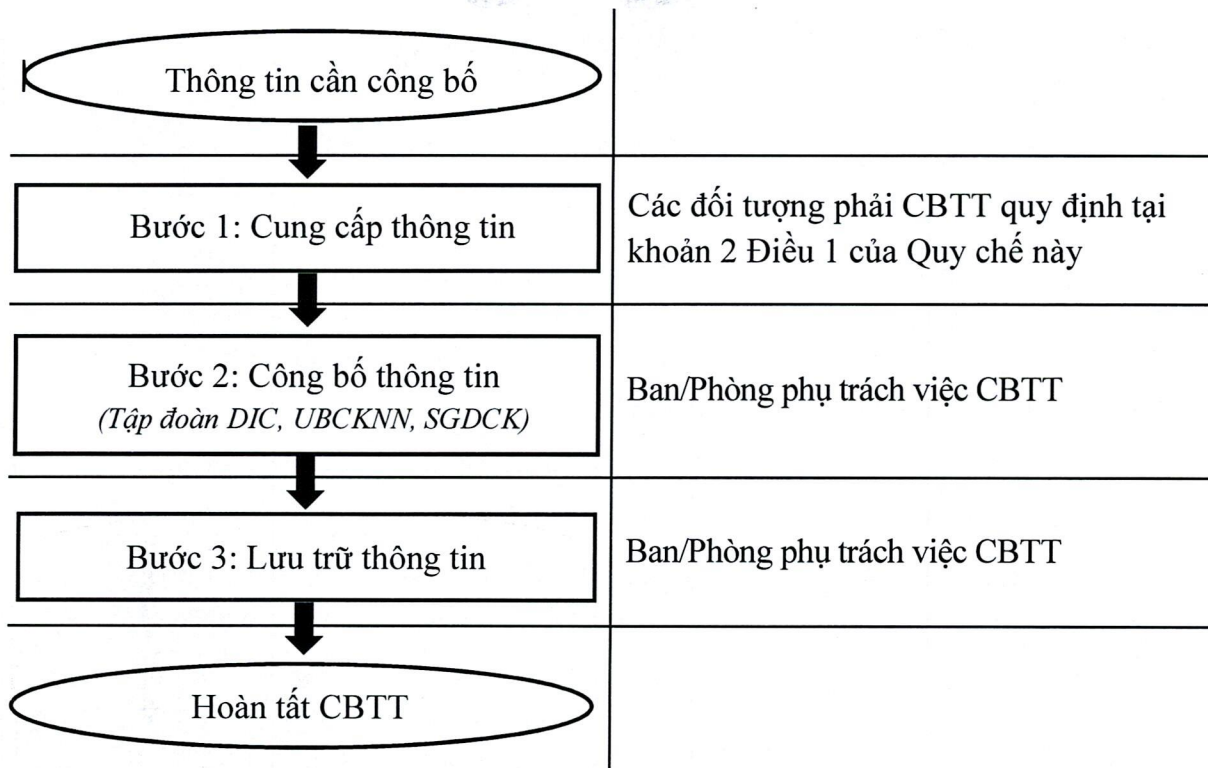
Bước 5: Lưu trữ thông tin

- a. Thông tin sau khi thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ bằng bản chính tại Văn phòng Tập đoàn DIC và bản sao tại Ban/Phòng phụ trách việc CBTT;
- b. Việc lưu trữ thông tin thực hiện theo khoản 5 điều 3 của Quy chế này.

Điều 16. Công bố thông tin của các đối tượng phải CBTT

1. Lưu đồ CBTT





2. Quy trình CBTT

Bước 1: Cung cấp thông tin

Các đối tượng phải công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này gửi thông tin cần công bố đến Tập đoàn DIC, UBCKNN và SGDCK theo quy định.

Bước 2: Công bố thông tin

Ban/Phòng phụ trách việc CBTT của Tập đoàn DIC tiếp nhận thông tin, thực hiện rà soát và công bố trên Website của Tập đoàn DIC.

Bước 3: Lưu trữ thông tin

- a. Thông tin sau khi thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ bằng bản chính tại Văn phòng Tập đoàn DIC và bản sao tại Ban/Phòng phụ trách việc CBTT;
- b. Việc lưu trữ thông tin thực hiện theo khoản 5 điều 3 của Quy chế này.

Điều 17. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Người được ủy quyền CBTT của Tập đoàn DIC phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Người được ủy quyền công bố thông tin của Tập đoàn DIC có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.



Điều 18. Trách nhiệm của Người CBTT, các Phòng/Ban/Đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác

1. Trách nhiệm của Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT:

- a. Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Tập đoàn DIC theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan;
- b. Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT có trách nhiệm thực hiện việc công bố thông tin một cách cẩn trọng, trung thực.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các Phòng/Ban trực thuộc Tập đoàn DIC và các tổ chức, cá nhân liên quan:

- a. Trưởng các Phòng/Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT.
- b. Đối với những thông tin bất thường, cung cấp thông tin theo yêu cầu phải công bố theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này, Trưởng các Phòng/Ban/đơn vị trực thuộc (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho người CBTT/Ban/Phòng phụ trách việc CBTT theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.
- c. Thực hiện các báo cáo liên quan khác khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

3. Trách nhiệm của các đơn vị thành viên của Tập đoàn DIC

- a. Báo cáo kịp thời chuẩn xác các thông tin cần công bố thông tin khi có yêu cầu của lãnh đạo Tập đoàn DIC.
- b. Không tự cung cấp thông tin để công bố thông tin đại chúng khi chưa có sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các Ban, Đơn vị và toàn thể CBCNV trong Tập đoàn DIC có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Ban, Đơn vị, cá nhân nào có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật tương xứng từ cảnh cáo, trừ lương, trừ thưởng, đình chỉ công tác cho đến sa thải theo quy định của Tập đoàn DIC và pháp luật có liên quan.
2. Những nội dung chưa được quy định tại Quy chế này, thì thực hiện theo Điều lệ, Quy định nội bộ của Tập đoàn DIC và Quy định pháp luật có liên quan.
3. Trong trường hợp phát sinh những quy định mới của pháp luật chưa được đề cập và/hoặc khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tập đoàn DIC.
4. Đối với nội dung các điều khoản trong Quy chế này, nếu có sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước và/hoặc yêu cầu trong công tác quản lý, điều hành, sản xuất



kinh doanh của Tập đoàn DIC dẫn đến phải điều chỉnh cho phù hợp, HĐQT giao nhiệm vụ cho Ban, Đơn vị có liên quan chủ động cập nhật, báo cáo đề xuất Ban Điều hành trình Chủ tịch HĐQT hoặc PCT. HĐQT toàn quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để triển khai thực hiện.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn phát sinh, nhiều nội dung không còn phù hợp cần phải sửa đổi, bổ sung toàn diện hoặc ban hành mới thì các Ban, Đơn vị có liên quan báo cáo đề xuất Ban Điều hành trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BDH;
- UBKT;
- Các Phòng/Ban;
- Đơn vị thuộc Tập đoàn DIC;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Cường



PHỤ LỤC I
NỘI DUNG YÊU CẦU CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
I	CBTT định kỳ		
1	BCTC năm đã được kiểm toán (bản tiếng Việt và tiếng Anh)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	BCTC bán niên đã được soát xét (bản tiếng Việt và tiếng Anh)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	
3	BCTC quý (bản tiếng Việt và tiếng Anh)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	Ban Kế toán
4	<p>Khi CBTT các BCTC phải đồng thời giải trình nguyên nhân xảy ra các trường hợp sau:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p>		
5	Báo cáo thường niên, Báo cáo phát triển bền vững	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Các Phòng/Ban theo Thông báo cung cấp tài liệu phục vụ BCTN, BC PTBV

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Người phụ trách quản trị công ty
7	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Định kỳ 6 tháng/lần. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	Ban Kế toán
8	Đại hội đồng cổ đông thường niên		
	- Nghị quyết về triệu tập ĐHĐCĐ	24h	Ban Thư ký
	- Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 20 ngày, trước ngày đăng ký cuối cùng	Ban Thư ký
	- Quyết định, Nghị quyết thông qua tài liệu ĐHĐCĐ	24h	Ban Thư ký
	- CBTT tài liệu ĐHĐCĐ	Tối thiểu 21 ngày, trước ngày họp ĐHĐCĐ	Các Phòng/Ban theo Thông báo cung cấp tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
	- CBTT ứng viên HĐQT (nếu có)	Tối thiểu 10 ngày, trước ngày họp ĐHĐCĐ	Các Phòng/Ban theo Thông báo cung cấp tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
	- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	24h	Ban Thư ký
II	CBTT bất thường		
1	Nghị quyết/Quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán; chào bán chứng khoán ra nước ngoài	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan
2	Tài khoản của Tập đoàn DIC tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ	24h	Ban Kế toán

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
	chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa		
3	Nghị quyết/Quyết định mua lại cổ phiếu của Tập đoàn DIC hoặc bán cổ phiếu quỹ	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan
4	Nghị quyết/Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan
5	Nghị quyết/Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan
6	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi;	24h	Ban TCNS
7	Nghị quyết/Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	24h	Ban Kế toán
8	Nghị quyết/Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan



STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
9	Nghị quyết/Quyết định của ĐHQĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	24h	Ban Thư ký phối hợp với các Phòng/Ban liên quan
10	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ;	24h	Ban Thư ký/Ban TCNS
11	Nghị quyết/Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty.	24h	Ban Thư ký
12	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty; Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty	24h	Ban TCNS
13	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	24h	Ban Kế toán
14	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	24h	Ban Thư ký
15	Quyết định tăng/giảm vốn điều lệ	24h	Ban Thư ký
16	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty	24h	Ban Thư ký
17	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức	24h	Ban Thư ký
18	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông		Ban ĐTTC&IR
19	Báo cáo tóm tắt số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng.		Ban ĐTTC&IR
20	Báo cáo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		Ban ĐTTC&IR
21	Đại hội đồng cổ đông bất thường		
	- Nghị quyết về triệu tập ĐHQĐ	24h	Ban Thư ký

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
	- Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 20 ngày, trước ngày đăng ký cuối cùng	Ban Thư ký
	- Quyết định, Nghị quyết thông qua tài liệu ĐHĐCĐ	24h	Ban Thư ký
	- CBTT tài liệu ĐHĐCĐ	Tối thiểu 21 ngày, trước ngày họp ĐHĐCĐ	Các Phòng/Ban theo Thông báo cung cấp tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
	- CBTT ứng viên HĐQT (nếu có)	Tối thiểu 10 ngày, trước ngày họp ĐHĐCĐ	Các Phòng/Ban theo Thông báo cung cấp tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ
	- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	24h	Ban Thư ký
III	CBTT theo yêu cầu		
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	24h	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
2	Có thông tin liên quan đến Tập đoàn DIC ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	24h	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
3	Khi giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn từ năm (05) phiên liên tiếp trở lên, Tập đoàn DIC phải báo cáo, CBTT liên quan đến Tập đoàn DIC có ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu	24h	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
4	CBTT theo yêu cầu khác	Theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
IV	CBTT về các hoạt động khác		



Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng
Development Investment Construction J.S.C

15 Thi Sách, phường Thăng Tam, TP. Vũng Tàu | Tel: 0254.3859 248 | Fax: 0254 3560 712 | Web: www.dic.vn

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC, KHỞI SẮC TƯƠNG LAI

STT	Nội dung	Thời hạn CBTT	Phòng/Ban cung cấp thông tin
1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định hiện hành	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định hiện hành	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
3	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định hiện hành	Ban ĐTTC&IR phối hợp với các Phòng/Ban liên quan thực hiện
4	Lập danh sách cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ	Theo quy định hiện hành	Ban ĐTTC&IR
V			
CBTT của các đối tượng khác			
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tập đoàn DIC	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Ban ĐTTC&IR hỗ trợ; - Người nội bộ của Tập đoàn DIC và người có liên quan của người nội; - Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn thanh niên,...).
2	Cổ đông lớn của Tập đoàn DIC khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	
3	Các giao dịch cổ phiếu DIG của người nội bộ và người có liên quan của người nội	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo giao dịch: Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc - Báo cáo kết quả giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch 	